

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11-5-2022

V/v Chia tài sản sau khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Đào Danh Tuất

2. Bà Ngô Thị Quốc Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 298/2021/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Trúc P, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn P, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn P, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02-11-2021 và trong quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Trúc P trình bày:

Bà P và ông S là vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên đến năm 2020 bà P và ông S đã ly hôn theo Bản án số 113/2020/HNGĐ-ST ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện XM. Tại Bản án ly hôn nêu trên, Tòa án không giải quyết về tài sản chung giữa bà P và ông S vì lúc

này bà P không có yêu cầu và muốn vợ chồng thỏa thuận với nhau. Sau khi ly hôn với ông S, bà P đã nhiều lần yêu cầu ông S thỏa thuận để giải quyết tài sản chung của ông, bà để ổn định cuộc sống nhưng không được. Nay bà P yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của bà và ông S là căn nhà cấp 4 xây dựng trên thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 tọa lạc tại thị trấn P, huyện XM. Nguồn gốc thửa đất trên là do bà P được cha mẹ tặng cho riêng vào ngày 04/10/2012 và được Ủy ban nhân dân huyện XM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 656685 ngày 13/11/2012. Vào năm 2007 thì ông S và bà P xây một phòng có diện tích 49m² để ở, đến năm 2016 thì xây thêm phòng khách và phòng ngủ phía trước để vợ chồng con cái sinh sống, ngoài ra còn có mái tôn và hàng rào. Nay bà P yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà. Bà P yêu cầu nhận nhà và công trình phụ gắn liền với nhà để ổn định cuộc sống và nuôi các con chung của bà và ông S. Bà P đồng ý thanh toán ½ giá trị căn nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 cho ông S theo kết quả định giá của Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07-12-2021 bị đơn ông Trần Văn S trình bày:

Ông S và bà P là vợ chồng nhưng đã ly hôn theo Bản án số 113/2020/HNGĐ-ST ngày 15/10/2020 của Tòa án nhân dân huyện XM, về phần tài sản chung của ông S và bà P thì để ông S, bà P tự thỏa thuận. Nay bà P yêu cầu chia căn nhà cấp 4 được xây dựng trên thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 tọa lạc tại thị trấn P, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thì ông S không đồng ý. Ông S không muốn chia vì ông S muốn để lại cho con của ông S khi con đủ 18 tuổi. Ngoài căn nhà cấp 4 được xây dựng trên diện tích thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 thì ông S và bà P còn có những tài sản chung khác, nhưng ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà P đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn ông S vắng mặt trong quá trình tố tụng là không chấp hành quy định theo các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P. Bà P được quyền sở hữu nhà cùng các công trình phụ gắn liền với nhà trên đất thuộc thửa 479 tờ bản đồ số 82 tọa lạc tại thị trấn P, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà P có nghĩa vụ thanh toán ½ giá trị nhà và công trình phụ gắn liền với nhà trên thửa đất trên cho ông S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Trúc P yêu cầu chia tài sản chung sau khi Tòa án giải quyết cho ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản sau khi ly hôn”; bị đơn ông S có địa chỉ cư trú tại huyện XM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, ông S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng ông S theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia tài sản chung với bị đơn:*

Bà P xác định bà và ông S có tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân chưa chia là diện tích nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên diện tích thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 tọa lạc thị trấn P, huyện XM. Ông S và bà P xây dựng nhà vào các năm 2007 đến năm 2016 thì xây thêm phòng phía trước cùng với phòng khách và làm hàng rào, mái che. Đối với diện tích đất thuộc thửa 479 tờ bản đồ 82 là tài sản riêng của bà P có nguồn gốc là do cha mẹ bà P là ông Trần Văn Dư và bà Đặng Thị Bông tặng cho riêng bà P vào năm 2012 và bà P đã được Ủy ban nhân dân huyện XM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 656685 ngày 13/11/2012 cho bà P. Điều này cũng được chính ông S thừa nhận tại Bản án số 113/2020/HNGĐ-ST ngày 15/10/2020 khi giải quyết ly hôn với bà P tại Tòa án. Như vậy, phần diện tích nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên thửa đất số 479 tờ bản đồ 82 là tài sản chung của bà P, ông S trong thời kỳ hôn nhân, khi ly hôn bà P không yêu cầu giải quyết, nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở. Quá trình làm việc ông S cũng thừa nhận, phần nhà xây trên thửa đất trên là tài sản chung của ông S và bà P khi còn là vợ chồng, còn diện tích đất là của riêng bà P.

Từ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của bà P, ông S Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tài sản chung của bà P và ông S là diện tích nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên diện tích đất 500m² thuộc thửa 479 tờ bản đồ số 82 thị trấn P, huyện XM đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà P bao gồm: Phần diện tích nhà xây vào các năm 2007 và 2016 với tổng diện tích xây dựng 114m², mái tôn che phía trước diện tích 60m², chuồng gà diện tích 28m², hàng rào phía trước và hàng rào bên hông phần nhà.

Xét thấy, sau khi ly hôn với ông S thì bà P là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung chưa thành niên giữa bà P và ông S là cháu Trần Thị Bích Vy, sinh ngày 16/10/2006 và Trần Quốc Hào, sinh ngày 21/9/2009 nên cần đảm bảo nơi ở cho bà

P cùng các con nên ưu tiên cho bà P được nhận căn nhà và công trình phụ gắn liền với nhà là phù hợp. Do đó, bà P yêu cầu nhận nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa 479 tờ bản đồ 82 nêu trên và đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị căn nhà và công trình phụ gắn liền với nhà cho ông S là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên bản định giá ngày 09/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện XM, giá trị căn nhà trên diện tích đất 500m² thuộc thửa số 479 tờ bản đồ số 82 như sau:

Phần diện tích nhà xây năm 2007 có giá trị 63.577.500đ; Phần diện tích nhà xây năm 2016 có giá trị 168.787.450đ; Mái tôn có giá trị 12.240.000đ; chuồng gà có giá trị 1.282.400đ; Hàng rào phía trước có giá 5.432.000đ; hàng rào bên hông nhà có giá trị 4.256.000đ. Tổng giá trị là 255.575.000đ (làm tròn).

Bà P được quyền sở hữu nhà công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên diện tích đất 500m² thuộc thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 thị trấn P gồm diện tích nhà xây năm 2007 là 49m²; diện tích nhà xây dựng năm 2016 là 65m²; mái tôn diện tích 60m² và hàng rào phía trước và hàng rào bên hông gắn liền với căn nhà; chuồng gà có diện tích 28m².

Bà P có nghĩa vụ thanh toán cho ông S $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên diện tích đất 500m² thuộc thửa số 479 tờ bản đồ 82 thị trấn P theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là 127.787.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng). Ông S có trách nhiệm giao nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên thửa số 479 tờ bản đồ 82 cho bà P sở hữu.

Đối với ý kiến ông S cho rằng ngoài căn nhà trên diện tích đất thuộc thửa 479 tờ bản đồ 82 tọa lạc tại thị trấn P thì ông S và bà P còn có những tài sản chung khác, tuy nhiên ông S không yêu cầu chia trong vụ án này. Xét thấy ông S không yêu cầu nên không xem xét, nếu sau này ông S yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về chi phí tố tụng:

Chi phí sao lục hồ sơ, đo vẽ, thẩm định, định giá: 328.690đ + 1.536.443đ + 3.000.000đ = 4.865.133đ.

Bà P và ông S mỗi người phải chịu 50% là 2.433.000đ (làm tròn). Bà P đã nộp tạm ứng và đã nộp xong. Ông S có nghĩa vụ trả cho bà P là 2.433.000đ (hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng)

[4] Về án phí: Bà P, ông S phải nộp án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản mà mỗi người được phân chia.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 33, Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Trúc P đối với ông Trần Văn S về chia tài sản sau khi ly hôn.

Bà Trần Thị Trúc P được sở hữu nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 diện tích 500m² tọa lạc thị trấn P, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 656685 do Ủy ban nhân dân huyện XM cấp ngày 13/11/2012 cho bà Trần Thị Trúc P gồm: diện tích nhà xây 114m² (một phần xây dựng năm 2007 và một phần xây dựng năm 2016); mái tôn phía trước nhà diện tích 60m²; hàng rào phía trước nhà dài 14m, hàng rào bên hông nhà xây gạch gắn lưới b40 dài 20m; chuồng gà diện tích 28m². Tổng giá trị tài sản là 255.575.000đ (hai trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trần Thị Trúc P có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn S ½ giá trị nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên thửa đất số 479 tờ bản đồ số 82 nêu trên là 127.787.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Sau khi bà P thanh toán xong số tiền trên cho ông S thì ông S có nghĩa vụ bàn giao nhà và công trình phụ gắn liền với nhà được xây dựng trên đất thuộc thửa 479 tờ bản đồ 82 nêu trên cho bà P sở hữu.

2. Về chi phí tố tụng:

Ông Trần Văn S phải có nghĩa vụ thanh toán lại chi phí tố tụng cho bà Trần Thị Trúc P số tiền 2.433.000đ (hai triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Trúc P phải nộp 6.389.000đ (sáu triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 3.750.000đ (ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010589 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Bà P còn phải nộp thêm 2.639.000đ (hai triệu, sáu trăm ba mươi chín nghìn đồng)

Ông Trần Văn S phải nộp 6.389.000đ (sáu triệu, ba trăm tám mươi chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**